

Số: 3341/QĐ-NĐĐT

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 10 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp  
Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV  
và đường dây 35kV khu CBCNV

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV;

Văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV);

Căn cứ Tờ trình ngày 08/10/2026 của Tổ chuyên gia và Báo cáo thẩm định ngày 09/10/2026 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư - Vật tư.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV và đường dây 35kV khu CBCNV với các nội dung chủ yếu sau:

- Tổng giá trị dự toán (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là: **784.011.606 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi bốn triệu, không trăm mười một nghìn, sáu trăm linh sáu đồng). Chi tiết theo như Phụ lục 1 đính kèm.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV và đường dây 35kV khu CBCNV. Chi tiết theo như Phụ lục 2 đính kèm.

**Điều 2.** Giao phòng Kế hoạch đầu tư - Vật tư chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC, KHĐTVT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Tuấn**

**PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN**

**Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV  
và đường dây 35kV khu CBCNV**

*(Đính kèm Quyết định số **3341** /QĐ-NĐĐT ngày **13** /10/2026)*

| STT                                                                                             | Nội dung              | Thành tiền<br>(đồng) | Ghi chú                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------|
| 1                                                                                               | Giá trị phân hàng hóa | 320.887.818          | Chi tiết theo<br>Phụ lục 1.1 đính<br>kèm |
| 2                                                                                               | Giá trị phân dịch vụ  | 463.123.788          | Chi tiết theo<br>Phụ lục 1.2 đính<br>kèm |
| <b>Tổng cộng (đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí nếu có)</b>                                |                       | <b>784.011.606</b>   |                                          |
| <b>Bảng chữ: Bảy trăm tám mươi bốn triệu, không trăm mười một nghìn, sáu trăm linh sáu đồng</b> |                       |                      |                                          |

II  
04  
(  
NI  
IG  
TỔ  
ÊN.  
)/CII

**PHỤ LỤC 1.1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHẦN HÀNG HÓA**  
**Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV**  
**và đường dây 35kV khu CBCNV**

(Đính kèm Quyết định số **33HA** /QĐ-NĐĐT ngày **13** /10/2026)

| STT | Tên vật tư                              | Quy cách, đặt tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|--------------------|------------|
| 1   | Sứ đứng                                 | Kiểu Sứ đứng Polymer 35kV chiều dài dòng dò 1200mm (bao gồm cả ty, phụ kiện để lắp đặt hoàn thiện..., kết quả thí nghiệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quả         | 137      | 643.750            | 88.193.750 |
| 2   | Sứ Chuỗi                                | Sứ Chuỗi Polymer 35kV lực căng 120kNm, chiều dài dòng dò 1200mm (bao gồm đầy đủ khóa phụ kiện lắp đặt cho dây 95mm <sup>2</sup> , kết quả thí nghiệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chuỗi       | 114      | 780.000            | 88.920.000 |
| 3   | Tủ điện ngoài trời                      | Tủ ngoài trời phân phối nguồn hạ áp máy biến áp kích thước Cao x Rộng x Sâu: 160x80x50cm. Bao gồm:<br>- Ngăn trên cùng lắp công tơ điện kích thước cánh Rộng x Cao: 72x38cm, lỗ đọc chỉ số công tơ kích thước 9x9cm, cánh có khóa chốt và niêm phong kẹp chì.<br>- Ngăn nhỏ lắp đồng hồ đo điện áp, dòng điện kích thước cánh Rộng x Cao: 72x16cm, 4 lỗ lắp đồng hồ đo 9x9cm, 1 lỗ tròn đường kính 2cm lắp công tắc xoay.<br>- Trong tủ gồm các thanh, giá đỡ để lắp công tơ, aptomat, thanh cái..<br>- Cánh tủ được lắp đặt gioăng chống nước đầy đủ<br>- Vật liệu vỏ tủ: inox Sus304 (Bao gồm đầy đủ phụ kiện để lắp đặt hoàn thiện tủ) (Chi tiết theo bản vẽ đính kèm) | Tủ          | 1        | 50.000.000         | 50.000.000 |
| 4   | Sứ đầu vào phía cao áp máy biến áp 35kV | Sứ đầu vào phía cao áp máy biến áp 35kV (loại dùng cho máy biến áp 320kVA-35-22/0,4kV của Công ty cổ phần chế tạo máy biến thế Hà Nội, có kết quả thí nghiệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Quả         | 3        | 1.872.000          | 5.616.000  |
| 5   | Đồng hồ đo dòng điện                    | Đồng hồ đo dòng điện 0-1600A (có kết quả thí nghiệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 3        | 1.250.000          | 3.750.000  |
| 6   | Đồng hồ đo điện áp                      | Đồng hồ đo điện áp 0-500V (có kết quả thí nghiệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 1        | 1.250.000          | 1.250.000  |

| STT | Tên vật tư                                             | Quy cách, đặt tính kỹ thuật                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền         |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|--------------------|--------------------|
| 7   | Công tắc xoay                                          | Công tắc xoay lựa chọn điện áp cho đồng hồ (RS-ST-TR-0-RN-SN-TN)                                                                                       | Cái         | 1        | 1.535.000          | 1.535.000          |
| 8   | Đầu cáp co nguiet trung thế 35kV                       | Đầu cáp co nguiet trung thế 35kV 3 pha ngoài trời cho cáp 3x95mm <sup>2</sup> Mã hiệu: 36kV OD 3C-QTII K8S-33-95, hãng 3M (bộ đầy đủ phụ kiện lắp đặt) | Bộ          | 2        | 8.690.000          | 17.380.000         |
| 9   | Biển báo                                               | Biển báo "CẤM TRÈO – ĐIỆN CAO ÁP NGUY HIỂM CHẾT NGƯỜI". Kích thước Cao x Rộng 360x240mm. Loại biển ngoài trời, vật liệu inox sus 304                   | Cái         | 48       | 400.000            | 19.200.000         |
| 10  | Biển tên cột                                           | Biển tên cột. Kích thước Cao x Rộng 360x240mm. Loại biển ngoài trời, vật liệu inox sus 304(Cột đặt dao, cột 1NĐ-40NĐ, cột 1CBCNV-7CBCNV)               | Cái         | 48       | 400.000            | 19.200.000         |
| 11  | Dây đai inox                                           | Dây đai inox kích thước 20x4x1200mm (bao gồm cả khóa dây)                                                                                              | Cái         | 96       | 21.600             | 2.073.600          |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                       |                                                                                                                                                        |             |          |                    | <b>297.118.350</b> |
|     | <b>Thuê GTGT 8%</b>                                    |                                                                                                                                                        |             |          |                    | <b>23.769.468</b>  |
|     | <b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT, phí và lệ phí)</b> |                                                                                                                                                        |             |          |                    | <b>320.887.818</b> |

**PHỤ LỤC 1.2: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHẦN DỊCH VỤ**

**Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV và đường dây 35kV khu CBCNV**

*(Đính kèm Quyết định số 3341 /QĐ-NĐĐT ngày 13/10/2026)*

| STT      | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá<br>(đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------------------|-------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Sửa chữa bảo dưỡng máy biến áp 320kVA-35-22/0,4kV của Công ty cổ phần chế tạo máy biến thế Hà Nội</b>                                                                                                              |             |          |                       |                   |         |
| 1        | Bảo dưỡng máy biến áp                                                                                                                                                                                                 | Máy         | 1        | 39.125.482            | 39.125.482        |         |
| 2        | Lọc dầu máy biến áp                                                                                                                                                                                                   | Lít         | 580      | 30.232                | 17.534.560        |         |
| 3        | Tháo dỡ, lắp lại sứ đầu vào phía cao áp máy biến áp 320kVA-35-22/0,4kV                                                                                                                                                | Quả         | 3        | 5.088.674             | 15.266.022        |         |
| 4        | Tháo dỡ, lắp lại tủ phân phối nguồn hạ áp MBA và các thiết bị trong tủ                                                                                                                                                | Tủ          | 1        | 5.363.918             | 5.363.918         |         |
| 5        | Thí nghiệm Máy biến áp 3 pha $\leq 1000\text{kVA}$ 35-22/0,4kV                                                                                                                                                        | Máy         | 1        | 7.264.071             | 7.264.071         |         |
| 6        | Thí nghiệm Dầu cách điện máy biến áp:<br>- Nhiệt độ chớp cháy cốc kín (COP);<br>- Điện áp đánh thủng;<br>- Tổn thất điện môi ( $\tan\delta$ ) ở 90 độ C;<br>- Hàm lượng nước vi lượng;<br>- Thành phần khí trong dầu. | Mẫu         | 1        | 15.260.528            | 15.260.528        |         |
| 7        | Thí nghiệm Hệ thống tiếp địa trạm biến áp 35kV                                                                                                                                                                        | Hệ thống    | 1        | 4.136.494             | 4.136.494         |         |
| 8        | Thí nghiệm Ap tô mát $500 \div < 1000\text{A}$                                                                                                                                                                        | Cái         | 1        | 919.647               | 919.647           |         |
| 9        | Thí nghiệm Ap tô mát $300 \div < 500\text{A}$                                                                                                                                                                         | Cái         | 2        | 694.024               | 1.388.048         |         |
| 10       | Thí nghiệm Ap tô mát $< 300\text{A}$                                                                                                                                                                                  | Cái         | 1        | 584.528               | 584.528           |         |

| STT       | Nội dung công việc                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá<br>(đồng/đvt) | Thành tiền (đồng)  | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------------------|--------------------|---------|
| <b>II</b> | <b>Sửa chữa bảo dưỡng, thí nghiệm đường dây 35kV cấp điện khu CBCNV</b>                  |             |          |                       |                    |         |
| 1         | Tháo dỡ, lắp lại sứ đứng 35kV                                                            | Quả         | 137      | 493.006               | 67.541.822         |         |
| 2         | Tháo dỡ, lắp lại sứ chuỗi 35kV                                                           | Chuỗi       | 114      | 933.826               | 106.456.164        |         |
| 3         | Sửa chữa tiếp địa cột (bao gồm cả vật tư - Cột đặt dao, cột 1NĐ-40NĐ, cột 1CBCNV-7CBCNV) | Vị trí      | 48       | 2.370.469             | 113.782.512        |         |
| 4         | Thay đầu cáp ngầm trung thế 35kV 3x95mm <sup>2</sup>                                     | Bộ          | 2        | 1.808.181             | 3.616.362          |         |
| 5         | Treo biển tên cột và biển cảnh báo an toàn trên cột điện                                 | Vị trí      | 48       | 265.344               | 12.736.512         |         |
| 6         | Đo điện trở nối đất hệ thống tiếp địa cột đường dây 35kW                                 | Vị trí      | 48       | 300.000               | 14.400.000         |         |
| 7         | Thí nghiệm cáp ngầm trung thế 35kV                                                       | Sợi         | 1        | 3.441.652             | 3.441.652          |         |
|           | <b>Tổng</b>                                                                              |             |          |                       | <b>428.818.322</b> |         |
|           | <b>Thuế GTGT 8%</b>                                                                      |             |          |                       | <b>34.305.466</b>  |         |
|           | <b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT, phí và lệ phí)</b>                                   |             |          |                       | <b>463.123.788</b> |         |

**PHỤ LỤC 2: PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP**

**Gói cung cấp: Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV và đường dây 35kV khu CBCNV**

(Đính kèm Quyết định số **33HA** /QĐ-NĐĐT ngày **13** /10/2026)

| STT                      | Tên gói cung cấp                                                                           | Giá gói cung cấp (đồng) | Nguồn vốn             | Hình thức lựa chọn nhà cung cấp                                                                                    | Phương thức lựa chọn nhà cung cấp | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp | Loại hợp đồng        | Thời gian thực hiện gói cung cấp |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|
| 1                        | Sửa chữa, thí nghiệm các thiết bị trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV và đường dây 35kV khu CBCNV | 784.011.606             | Chi phí SXKD năm 2026 | Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại mục a khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 | /                                 | 60 ngày                                 | Quý IV/2026                                     | Theo đơn giá cố định | 60 ngày                          |
| <b>Tổng giá gói thầu</b> |                                                                                            | <b>784.011.606</b>      |                       |                                                                                                                    |                                   |                                         |                                                 |                      |                                  |